

NGUYỄN NGỌC AN

MODULE TH

30

**HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG
Ở TIỂU HỌC TRONG ĐIỀU KIỆN
THỰC TẾ VIỆT NAM**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Module này gồm ba nội dung chính tương ứng với 15 tiết tự học (hoặc tự học có hướng dẫn) của GV:

1. Mẫu báo cáo nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.
2. Một số điểm cần lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.
3. Tài liệu tham khảo trong báo cáo nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

Module này được xây dựng trên nền tài liệu của Dự án Việt Bỉ và được viết theo phương thức phục vụ cho nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu của GV các cấp học phổ thông. Vì vậy, trong quá trình tự học, các bạn nên sử dụng kèm theo module này tài liệu: Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc của Dự án Việt Bỉ phát hành từ năm 2009.

* Cấu trúc của module

Module được cấu trúc theo định hướng phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của GV. Các bước thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu theo tài liệu này bao gồm:

Bước 1. GV biết được mục tiêu cần đạt được của từng nội dung sẽ học tập.

Bước 2. GV thực hiện lần lượt các hoạt động được thiết kế theo định hướng phát huy tính chủ động và tích cực hoá người học.

Bước 3. GV được cung cấp các thông tin nguồn theo các nội dung học tập.

Bước 4. GV được cung cấp những thông tin phản hồi phục vụ cho các hoạt động.

* Yêu cầu đối với GV trong quá trình thực hiện module

- Đọc và suy nghĩ về mục tiêu đặt ra của mỗi nội dung học tập.
- Tích cực thực hiện hoặc tổ chức phối hợp thực hiện cùng đồng nghiệp các hoạt động được thiết kế phục vụ cho mỗi nội dung học tập.
- Nghiên cứu kĩ thông tin nguồn của các nội dung học tập.
- Tự thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các hoạt động đã được thiết kế theo hướng trải nghiệm hoặc vận dụng.

- Tự so sánh kết quả học tập, nghiên cứu, trải nghiệm, vận dụng với các thông tin phản hồi.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động theo từng nội dung học tập.



B. MỤC TIÊU

1. MỤC TIÊU CHUNG

NCKHSPUD có nhiều điểm khác với các NCKH giáo dục hoặc sáng kiến kinh nghiệm mà GV tiểu học nói riêng và GV các cấp học phổ thông đang thực hiện. Một trong những điểm khác biệt đó là việc phổ biến kết quả thực nghiệm và khuyến cáo thực hiện giải pháp mới thông qua viết và phổ biến báo cáo. Việc viết, trình bày và đăng tải một báo cáo cũng là việc phổ biến cách làm một tác động mới cho đồng nghiệp. Tài liệu này giúp cho GV hiểu thêm ý nghĩa và sự tương đồng cũng như khác biệt của một báo cáo NCKHSPUD với các báo cáo NCKH/sáng kiến kinh nghiệm khác.

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Giới thiệu cho GV/CBQL biết được mẫu của một báo cáo NCKHSPUD và cách trình bày theo mẫu đó. Những điểm thuận lợi và khó khăn khi thực hiện việc trình bày và phổ biến một báo cáo NCKHSPUD đối với các trường tiểu học của Việt Nam hiện nay – hướng giải quyết và khắc phục.
- GV/CBQL có thể tự viết, trình bày và phổ biến cách tiến hành tác động của mình để mang lại hiệu quả trong điều kiện vùng miền đặc trưng theo đúng yêu cầu. Đồng thời, qua trải nghiệm các lần thực nghiệm cũng như quá trình viết, phổ biến kết quả đề tài, mỗi GV tự rút kinh nghiệm được từ đồng nghiệp và bản thân để các giải pháp đề xuất có tính ứng dụng thực tiễn và đi vào được thực tiễn.
- Kết quả của các sản phẩm NCKHSPUD này cùng với quá trình vận động của ngành, các hoạt động cụ thể trong mỗi nhà trường sẽ đáp ứng với yêu cầu thực tế đặt ra. Mỗi GV/CBQL có ý thức và hỗ trợ nhau trong quá trình dạy học để dần nâng cao hiệu quả công việc, tăng cường chuyên môn nghiệp vụ từng ngày, từng giờ từ đó tác động đến cả một quá trình cho cả một tập thể.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

MẪU BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

Học xong nội dung này, học viên sẽ:

1. Biết cách trình bày bằng văn bản một mẫu báo cáo NCKHSPUD.
2. Tự hoàn thành một báo cáo NCKHSPUD theo chuẩn quốc tế.
3. Có ý thức tiếp cận và phổ biến các NCKHSPUD trong trường học, phục vụ cho các công việc chuyên môn nghiệp vụ.

II. PHƯƠNG TIỆN

- Tài liệu: Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng – Dự án Việt Bỉ, 2009.
- Máy tính nối mạng Internet.
- Các tài liệu NCKH, sáng kiến kinh nghiệm mà GV đã từng thực hiện.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động 1. Tìm hiểu mẫu báo cáo theo chuẩn quốc tế một nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mẫu báo cáo nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng theo chuẩn quốc tế

Khi sáng tạo ra cách làm mới, GV tổ chức làm thử cách đó trên một phạm vi mẫu cụ thể (một nhóm hoặc một số nhóm HS). Kết quả thực nghiệm được đo đếm bằng hệ thống các công cụ đã được trình bày cụ thể trong Module TH 29. Việc tiếp theo là phải báo cáo kết quả thực nghiệm đó và khẳng định tính hiệu quả của nó. Thông thường người ta thực hiện công việc này bằng cách viết một báo cáo. Đây là bước cuối cùng của quá trình nghiên cứu.

Mẫu báo cáo giới thiệu trong tài liệu này được thiết kế theo hướng tiếp cận báo cáo nghiên cứu tác động theo chuẩn quốc tế. Có nghĩa là, khi thể hiện báo cáo theo mẫu này, GV có thể trao đổi thông tin không chỉ trong

phạm vi trường học, quận huyện, tỉnh/thành phố mà còn có thể trên phạm vi quốc tế.

Một mẫu báo cáo hoàn chỉnh sẽ gồm những nội dung sau¹.

Tiêu đề
Tên tác giả và tổ chức
Tóm tắt
Giới thiệu
Phương pháp
Khách thể nghiên cứu
Thiết kế
Quy trình
Đo lường
Phân tích dữ liệu và kết quả
Bàn luận
Kết luận và khuyến nghị
Danh mục tài liệu tham khảo
Phụ lục

Báo cáo kết quả NCKHSPUD là một văn bản tóm tắt quá trình, kết quả thực nghiệm. Kèm theo đó là những bàn luận đồng thời đưa ra những khuyến nghị để biện pháp sáng tạo đã được thực nghiệm có thể ứng dụng vào thực tiễn một cách hiệu quả nhất. Yêu cầu của báo cáo là phải được viết ngắn gọn, xúc tích, hàm chứa lượng thông tin cần thiết, dễ hiểu và thuyết phục người đọc. Theo mẫu quốc tế, thông thường, một báo cáo được viết khoảng dưới 5.000 từ, bao gồm phần báo cáo chính và phần phụ lục.

Các yêu cầu cụ thể trong một báo cáo

Tên đề tài

Trong một NCKHSPUD, việc chọn đề tài phải cụ thể, rõ ràng tập trung vào các yếu tố:

- Phạm vi đề tài: Giảng dạy, giáo dục HS hoặc QLGD.

¹ Tài liệu Dự án Việt Bỉ.

Ví dụ:

Phạm vi giảng dạy: Liệu có làm tăng hứng thú học tập của HS hay không khi ta tổ chức dạy học thực tế tại các di tích địa phương với những nội dung lịch sử của lớp 5?

Phạm vi giáo dục: Việc gặp gỡ, trao đổi với phụ huynh một tháng một lần liệu có làm giảm số giờ bỏ học không lí do của HS A hay không?

Phạm vi QLGD: Thu thập thông tin phản hồi từ HS 1 tháng/1 lần liệu có làm cho việc dạy học ứng dụng công nghệ thông tin của GV tăng lên hay không?

– Tên đề tài gồm có ba thành tố:

- Nội dung nghiên cứu là gì? (mong đợi gì khi thực hiện can thiệp /tác động?)
- Nghiên cứu được thực hiện ở đâu? Trên đối tượng nào?
- Tên của tác động (biện pháp mới) là gì?

Chúng ta có thể thay đổi trật tự của ba thành tố này trong khi viết tên một đề tài.

Ví dụ:

Giám tỉ lệ HS lớp 2 Trường tiểu học Nà Sản viết sai âm n, l trong các bài viết văn bằng cách tổ chức luyện đọc trước lớp trước khi viết.

Tổ chức cho HS luyện đọc trước lớp trước khi thực hiện các bài viết văn sẽ làm giảm tỉ lệ HS viết sai âm n, l tại lớp 2 Trường tiểu học Nà Sản.

Tên đề tài nghiên cứu có thể viết dưới dạng câu hỏi hoặc câu khẳng định. Tên đề tài được xác định từ khi bắt đầu tiến hành nghiên cứu và có thể được chỉnh sửa và hoàn thiện ở khâu cuối cùng vì có thể cần chỉnh sửa nhiều lần trong quá trình viết báo cáo.

Ví dụ:

Tên đề tài được viết dưới dạng một câu hỏi:

Việc tổ chức cho HS lớp 2 Trường tiểu học Nà Sản luyện đọc trước lớp liệu có làm giảm tỉ lệ số bài viết sai âm n, l hay không?

Tên đề tài được viết dưới dạng câu khẳng định:

Giám tỉ lệ HS viết sai âm n, l trong các bài làm văn của HS lớp 2 Trường tiểu học Nà Sản bằng cách luyện đọc trước khi viết bài.

Tên tác giả và tổ chức

Tên tác giả và tổ chức được trình bày theo mẫu sau:

Nguyễn Văn An – Trường Tiểu học Lê Ngọc Hân
Trần Văn Hoà – Trường Tiểu học Lê Ngọc Hân
Nguyễn Văn Nam – Trường Tiểu học Lê Ngọc Hân
Hoàng Thị Thuý – Trường Tiểu học Lê Ngọc Hân

Nếu có từ hai tác giả trở lên, cần đưa tên chủ biên ở vị trí đầu tiên. Nếu các tác giả ở các tổ chuyên môn, trường khác nhau, thuộc nhiều tổ chức khác nhau, nên đưa tên của các tác giả trong cùng một tổ, một trường, một tổ chức vào cùng một nhóm vị trí.

Tóm tắt

Đây là phần viết cô đọng về bối cảnh, mục đích, quá trình và các kết quả chính có được trong quá trình tổ chức thực nghiệm. Người nghiên cứu có thể viết từ một đến ba câu để tóm tắt cho mỗi nội dung. Phần tóm tắt chỉ nên có độ dài từ 150 đến 200 từ để người đọc hình dung khái quát về quá trình và kết quả nghiên cứu đã đạt được.

Giới thiệu

Trong phần này, người nghiên cứu cung cấp thông tin cơ sở và lí do thực hiện nghiên cứu. Có thể nêu sự cần thiết của việc thực hiện cách làm mới thay thế cách làm cũ. Để làm sâu sắc hơn cho phần giới thiệu, GV nên giới thiệu một vài tài liệu hoặc công trình nghiên cứu gần nhất có liên quan đến sáng tạo mới của mình giúp người đọc biết được các nhà nghiên cứu khác đã nghiên cứu những gì xung quanh vấn đề này, đã giải quyết thực trạng này ở nơi khác như thế nào và còn tồn tại gì?... Việc làm này chủ yếu thuyết phục người đọc về giải pháp thay thế mà mình đưa ra và đã tiến hành thực nghiệm.

Trong phần cuối của mục giới thiệu, GV nên trình bày rõ vấn đề nghiên cứu nào sẽ được chứng minh/trả lời thông qua thực nghiệm.

Ví dụ:

Vấn đề nghiên cứu: Liệu việc dạy học tại di tích có làm tăng hứng thú học tập của HS đối với nội dung lịch sử lớp 5 hay không? Vấn đề này đã được chứng minh là: Có, việc dạy học tại di tích có làm tăng hứng thú học tập của HS đối với nội dung lịch sử lớp 5.

Phương pháp

Phần phương pháp, GV viết và mô tả khái quát về: khách thể nghiên cứu, thiết kế được thực hiện, các phép đo, thu thập dữ liệu, quy trình và các kĩ thuật phân tích được thực hiện trong quá trình thực nghiệm.

a. *Khách thể nghiên cứu là gì?*

Phần này GV mô tả về đối tượng tham gia thực nghiệm là ai? HS lớp mấy? Trường nào? Số HS nam, số HS nữ, khái quát điều kiện sống của HS vùng dân cư, nhận xét khái quát về khả năng, năng lực, ý thức và kết quả học tập của các em trong thời gian gần nhất.

Phần khách thể nghiên cứu, GV cũng có thể đưa nhận xét cá nhân về thái độ cũng như các hành vi liên quan khác của HS tham gia thực nghiệm. Đây là phần mô tả quan trọng để người đọc thấy được tính khách quan trong quá trình chọn mẫu. Việc chọn và sử dụng mẫu càng khách quan càng làm tăng thêm tính thuyết phục cho kết quả thực nghiệm thu được. Nếu mẫu thử nghiệm càng điển hình thì kết quả của biện pháp mới mà mình đề xuất càng có cơ hội trên thực tiễn.

b. *Thiết kế*

Phần này, GV cần thể hiện rõ đã sử dụng thiết kế nào trong các thiết kế mà lí thuyết NCKHSPUD đã nêu ra. Tại sao lại sử dụng thiết kế này mà không sử dụng thiết kế còn lại? GV sử dụng nhóm nguyên vẹn một lớp hay nhóm ngẫu nhiên với sự tham gia của HS các lớp khác? Quá trình thu thập thông tin được tiến hành như thế nào? Sử dụng bài kiểm tra đã có hay thiết kế bài kiểm tra riêng biệt phục vụ duy nhất cho nghiên cứu?

Nếu không sử dụng thiết kế 1 và thiết kế AB, GV đã làm thế nào để xác định sự tương đương của các nhóm tham gia thực nghiệm? Cần thiết phải mô tả dữ liệu mà mình đã thu thập được trước và sau thực nghiệm. GV nên mô tả các dữ liệu đó theo khung đã giới thiệu ở từng thiết kế để đảm bảo tính khoa học trong báo cáo của mình:

Ví dụ:

Thiết kế chỉ sử dụng bài kiểm tra sau tác động với nhóm ngẫu nhiên/tương đương		
Nhóm	Tác động	Bài kiểm tra sau tác động
N1	X	O1
N2	---	O2

Các kí hiệu: N (Nhóm); X: tác động mới; ---: là việc thực hiện tác động cũ; O: dữ liệu thu thập đã được sử dụng thường xuyên trong NCKHSPUD, tương đối dễ hiểu và hiện đang được chấp nhận rộng rãi.

Để phân tích kết quả thu được và khẳng định kết quả thu được có ý nghĩa hay không có ý nghĩa, người GV đã dùng phép kiểm chứng gì? t – test hay Khi bình phương? Mức độ ảnh hưởng của tác động lớn hay nhỏ? Mức độ tương quan của các dữ liệu trong cùng một nhóm được mô tả như thế nào và rút ra kết luận gì?

c. Quy trình nghiên cứu

Mô tả đầy đủ, cụ thể và càng chi tiết càng tốt việc thực hiện can thiệp mới/tác động mới trong quá trình tiến hành thực nghiệm. GV có thể mô tả việc này bằng cách viết câu trả lời cho các câu hỏi:

- Ai đã thực hiện các bài kiểm tra?
- GV/đồng nghiệp nào, ai đã tham gia đánh giá các bài kiểm tra mà ta thu thập được?
- Các bài kiểm tra đã được đánh giá như thế nào và bằng cách nào?
- Có những tài liệu nào được sử dụng trong quá trình thực hiện tác động?
- Tác động kéo dài bao lâu?
- Tác động được thực hiện ở đâu và khi nào?

d. Đo lường

Phần này, GV dùng để mô tả quá trình, cách thức thu thập những dữ liệu trong quá trình thực nghiệm. Đó là việc mô tả các bài kiểm tra đã được thực hiện trước và sau khi tiến hành tác động/can thiệp mới thay thế cho tác động/can thiệp cũ về: số lượng câu hỏi, bài tập, độ khó, dạng câu hỏi, nội dung câu hỏi. Quá trình chấm bài, thu thập kết quả thực nghiệm được tiến hành như thế nào? Thuận lợi và khó khăn gì? Nếu thấy cần phải làm tăng tính thuyết phục cho bản báo cáo, GV có thể mô tả thêm về độ tin cậy và độ giá trị của dữ liệu thu thập được, đồng thời thuyết minh rõ ràng quá trình kiểm chứng mà mình đã thực hiện.

Trong phần phương pháp nghiên cứu, người nghiên cứu cần nêu rõ ràng các tiêu đề nhỏ như: khách thể nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, quy trình nghiên cứu và đo lường nếu có đủ thông tin cho mỗi phần.

Phân tích dữ liệu và kết quả

Trong phần này, GV trình bày tóm tắt các kết quả của thực nghiệm thông qua việc phân tích các kết quả đã thu thập được. GV cần trình bày rõ ràng và trung thực các phân tích đã được thực hiện, cơ sở của các kết luận sau này về tính hiệu quả của tác động/can thiệp mới sẽ dùng để

thay hoặc bổ sung cho can thiệp/tác động mới đã từng thực hiện. Những kĩ thuật thống kê nào đã được thực hiện để phân tích? Kết quả sau khi phân tích nói lên điều gì? GV nên sử dụng bảng và biểu đồ để minh họa kết hợp với mô tả định tính. Điều này giúp cho người đọc hiểu rõ hơn và tăng thêm tính thuyết phục cho các dữ liệu đó.

Ví dụ: Điểm trung bình bài kiểm tra của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trước tác động lần lượt là 5.2 và 5.4. Độ lệch chuẩn là 3.54 và 3.60. Sau khi thực hiện tác động/can thiệp mới với nhóm thực nghiệm và sử dụng tác động/can thiệp cũ với nhóm đối chứng, các dữ liệu thu thập được lần lượt là: 6.5 và 5.5. Độ lệch chuẩn lần lượt là: 3.3 và 3.95. Ta biểu diễn bằng bảng tổng hợp sau đây sẽ đảm bảo tính khoa học cho bản báo cáo.

Đối tượng	Số lượng HS	Trước tác động		Sau tác động	
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Lớp 4A (thực nghiệm)	35	5.2	3.54	6.5	3.3
Lớp 4B (đối chứng)	34	5.4	3.60	5.5	3.95

Và sử dụng biểu đồ để biểu diễn kết quả

